

Số: 388/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 22 tháng 4 năm 2016

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 4 NĂM 2016**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4/2016 tăng 4,52% so với tháng trước và tăng 6,93% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,28%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 12,32%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,98%. Riêng sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí giảm mạnh (40,39%) so với tháng cùng kỳ năm trước, do lượng nước lòng hồ thủy điện không đủ để nhà máy vận hành.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp có mức tăng thấp, 5,83% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2015 (tăng 11,4%). Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 8,97%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,82%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,4%; Riêng sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 10,46% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 4/2016 duy trì được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Bia dạng lon tăng 67,9%; tấm lợp pro xi măng tăng 53,76%; xi măng Protland đen tăng 19,13%; sắn xe các loại tăng 18,27%; tinh bột sắn tăng 18,2%; đá xây dựng tăng 15,83%; quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 15,6%; lốp xe các loại tăng 14,24%. Một số sản phẩm duy trì ở mức tăng ổn định như: Gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 8,55%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 7,95%; ván ép tăng 3,68%; gạch xây tăng 2,37%; điện thương phẩm tăng 0,82%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 97,14%; điện sản xuất giảm 59,52%; dầu nhựa thông giảm 58,82%; phân bón NPK giảm 39,83%.

**2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

**2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Bước sang tháng 4/2016 trùng với dịp lễ Giỗ tổ Hùng Vương và 30/4-1/5, nên nhu cầu về du lịch, lưu trú và ăn uống có xu hướng tăng cao so với tháng trước; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 4/2016 ước đạt 1673,51 tỷ đồng, tăng 8,52% so với tháng trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1414,14

tỷ đồng, tăng 8,76%; doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 191,4 tỷ đồng, tăng 6,67%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 2,05 tỷ đồng, tăng 29,71%; doanh thu dịch vụ khác đạt 65,95 tỷ đồng, tăng 8,42% so với tháng trước.

Tuy nhiên so với tháng cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lại giảm 1,45%. Trong đó, thành phần kinh tế nhà nước ước đạt 111,14 tỷ đồng, giảm mạnh so với cùng kỳ là 16,47% (do thành phần kinh tế nhà nước chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, ga, mặc dù nhu cầu mặt hàng này có tăng, song do giá cả các mặt hàng xăng dầu, ga, dầu hỏa giảm nên tổng mức bán lẻ giảm); thành phần kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 1562,37 tỷ đồng, giảm nhẹ là 0,17%. Phân theo ngành kinh tế: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 1414,11 tỷ đồng, giảm 2,04%; lưu trú và ăn uống ước đạt 191,4 tỷ đồng, tăng 4,4%; du lịch lữ hành ước đạt 2,05 tỷ đồng, giảm 56,11%; dịch vụ khác ước đạt 65,95 tỷ đồng, giảm 0,84% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 7115,52 tỷ đồng, mức tăng chỉ đạt 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

## **2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:**

### **2.2.1. Xuất khẩu:**

Trong tháng 4/2016, tình hình xuất khẩu hàng hóa đã có những chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 4/2016 ước đạt 12,769 triệu USD, tăng 8,64% so với tháng trước. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng rau quả ước đạt 4,5 triệu USD; sắn và các sản phẩm từ sắn ước đạt 2 triệu USD; gỗ ước đạt 3,291 triệu USD.

Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động xuất khẩu hàng hóa vẫn còn khó khăn, tính chung 4 tháng đầu năm 2016, kim ngạch xuất khẩu chỉ ước đạt 47,325 triệu USD, giảm 9,11% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 9,578 triệu USD, giảm 2,5%; kinh tế tư nhân ước đạt 35,436 triệu USD, giảm 9,11%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,311 triệu USD, giảm 29%.

### **2.2.2. Nhập khẩu:**

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 4/2016 ước đạt 8,641 triệu USD, tăng 9,85% so với tháng trước và giảm 43,2% so với tháng cùng kỳ năm trước. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: Hàng rau ước đạt 4,67 triệu USD; gỗ và sản phẩm từ gỗ 2,925 triệu USD.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2016, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 33,895 triệu USD, giảm 22,01% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 1,17 triệu USD, giảm 3,71%; kinh tế tư nhân ước đạt 31,571 triệu USD, giảm 21,78%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1,157 triệu USD, giảm 38,69%.

## **3. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2016 có mức tăng nhẹ 0,07% so tháng trước (đây là tháng thứ hai chỉ số CPI tăng từ đầu năm đến nay). Nguyên nhân là do tháng này trùng với các dịp lễ nên nhu cầu đi lại, vui chơi giải trí tăng cao, giá cả các mặt lương thực, thực phẩm tăng; giá xăng dầu được điều chỉnh tăng (vào ngày 5/4/2016) làm cho giá nhóm hàng hóa giao thông tăng.

Nhìn chung, chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2016 tăng 1,97% so với tháng 12 năm trước và tăng 1,04% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 4 tháng đầu năm 2016, tăng 0,39% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Hoàn thành và trình phê duyệt hồ sơ yêu cầu lập Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035; tổ chức phát hành và tiếp nhận đề xuất thực hiện gói thầu của nhà thầu; Thành lập Tổ chuyên gia, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lập Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Phối hợp tư vấn tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị báo cáo về Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050; Chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Tổ chức nghiệm thu công tác đo đạc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 phục vụ Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam Quảng Trị; Hoàn chỉnh và gửi Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ đo đạc bản đồ.

- Phối hợp với Viện năng lượng (Bộ Công Thương) triển khai lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2025; Làm việc với tư vấn về tiến độ thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020; Đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh.

- Phối hợp chuẩn bị nội dung và tổ chức gian hàng quảng bá phục vụ Hội nghị Xúc tiến đầu tư và Quảng bá du lịch lần thứ nhất tỉnh Quảng Trị; Đề xuất UBND tỉnh các nội dung cam kết đối với nhà đầu tư khi đến đầu tư dự án công nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp và đăng ký với Bộ Công Thương về nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2017 thuộc đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến; Tổ chức họp và thực hiện các nội dung thuộc Đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Trung tâm phát triển cụm công nghiệp huyện Vĩnh Linh; Tổ chức hướng dẫn Hồ sơ thành lập cụm công nghiệp Bến Quan; Tổ chức khảo sát và thẩm định hồ sơ thành lập Cụm công nghiệp Bến Quan.

- Triển khai Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung hồ sơ sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2016; Đơn đốc hoàn chỉnh hồ sơ và trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2016.

- Đơn đốc, hướng dẫn xây dựng các đề án khuyến công tỉnh (đợt 1/2016); Tiếp tục triển khai các đề án khuyến công quốc gia năm 2016.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 – 2020 (đợt 2); Trình thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (phần bổ sung) hạng mục Cấp điện nông

thôn xã Triệu Thượng thuộc dự án đầu tư Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, hiện đã được UBND tỉnh phê duyệt; Tổ chức nghiệm thu, đóng điện các hạng mục thuộc công trình Cấp điện nông thôn xã Triệu thượng, huyện Triệu Phong.

- Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thiết kế cơ sở dự án Nhà máy điện gió Hương Linh 1; Tham mưu UBND tỉnh làm việc với các chủ đầu tư về dự án Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho Công trình Thủy lợi – Thủy điện Quảng Trị và dự án thủy điện Hương Phùng.

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban ngành và địa phương về Dự thảo Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn; Quy chế phối hợp về quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh để hoàn chỉnh trình UBND tỉnh quyết định.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành về kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.

- Đã tổ chức thẩm định, hoàn chỉnh và trình UBND phê duyệt 03 đề án xúc tiến thương mại tỉnh năm 2016; Chỉ đạo công tác xúc tiến thương mại về xuất khẩu thủy, hải sản của tỉnh.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại xây dựng kế hoạch tổ chức kết nối giao thương giữa doanh nghiệp hai tỉnh An Giang và Quảng Trị; Chuẩn bị nội dung tổ chức tập huấn Công thông tin xuất nhập khẩu của tỉnh.

- Hoàn thành bài viết cho tài liệu tuyên truyền của Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại tỉnh; Xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử; Hội nhập kinh tế năm 2016.

- Tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn điện tại Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị; Báo cáo gửi Sở Tư pháp về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2016.

- Trình thẩm định và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2016; Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền giai đoạn 2016 – 2020 của Sở.

- Hoàn chỉnh và trình Sở Tư pháp thẩm định thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đối với lĩnh vực công thương.

- Hướng dẫn thực hiện ký kết hợp đồng lao động thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh; Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại; Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2016; Hướng dẫn thực hiện các quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút của tỉnh.

- Triển khai các nội dung tại Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống ngành Công Thương và đón nhận “Đơn vị văn hóa xuất sắc”; Liên hệ và tổ chức làm việc với các huyện Hải Lăng, Hương Hóa và thành phố Đông Hà

về kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2016. Tham gia Đoàn UBND tỉnh làm việc với UBND thị xã Quảng Trị về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020 của địa phương.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 5 năm 2016**

- Triển khai tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống ngành Công Thương và đón nhận danh hiệu “Đơn vị văn hóa xuất sắc” theo kế hoạch.

- Tiếp tục tổ chức làm việc với các huyện thị, thành phố; doanh nghiệp trong ngành về triển khai nhiệm vụ phát triển công nghiệp - thương mại năm 2016.

- Đôn đốc đơn vị tư vấn lập Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050; Lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam Quảng Trị.

- Tổ chức lấy ý kiến tham gia và tiếp thu chính lý đối với Dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Triển khai lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2025 có xét đến 2035.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của ngành.

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư vào Khu Đông Nam Quảng Trị.

- Tiếp tục thực hiện các đề tài khoa học công nghệ được UBND tỉnh giao cho Sở Công Thương thực hiện.

- Tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các đề án khuyến công tỉnh (đợt 1/2016); Tiếp tục triển khai các đề án khuyến công quốc gia năm 2016; Tiếp tục hướng dẫn quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Trị lần thứ 3; Hoàn thiện Kế hoạch khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện xây lắp phần bổ sung hạng mục cấp điện xã Triệu Thượng; Thẩm định, trình duyệt thiết kế dự toán, lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu triển khai xây dựng gói thầu số 2 thuộc Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Trị; Tiếp tục theo dõi, đôn đốc tiến độ đầu tư các dự án điện trên địa bàn

- Thành lập Đoàn và tổ chức kiểm tra liên ngành về kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn; Quy chế phối hợp về quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh; Làm việc với Đoàn kiểm tra của Bộ Công Thương về tình hình thực hiện quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu dọc tuyến Quốc lộ 1 đến năm 2020.

- Tiếp tục chỉ đạo Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại tỉnh thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại năm 2016 như: Hội nghị giao thương với doanh nghiệp tỉnh An Giang; Xây dựng kế hoạch triển khai các đề án xúc tiến thương mại năm 2016 đã được UBND phê duyệt hỗ trợ.

- Hoàn thành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử; Hội nhập kinh tế năm 2016; Dự thảo văn bản sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực hoạt động khuyến mại.

- Triển khai tập huấn Luật Điện lực sửa đổi, bổ sung và các quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực tại huyện Vĩnh Linh và thành phố Đông Hà.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Kế hoạch số 4523/KH-UBND ngày 19/01/2015 của UBND tỉnh; Ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ.

- Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Công Thương.

- Triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 4 năm 2016 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 5 năm 2016; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *VP*



KT. GIÁM ĐỐC *KT*  
PHÓ GIÁM ĐỐC

**Nguyễn Hữu Hưng**

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: UBND tỉnh Quảng Trị;



Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI Tháng 4 năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	69,00	20,83	230,83	728,13	3435,13	30,19%	2,86%	6,72%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	419,78	358,24	1458,24	309,89	1183,89	85,34%	115,60%	123,17%
3	Đá xây dựng	m <sup>3</sup>	78220	76950	267270	66435	246974	98,38%	115,83%	108,22%
4	Tinh bột sắn	Tấn	12571,70	11320,75	41424,53	9581,13	36139,62	90,05%	118,2%	114,62%
5	Bia dạng lon	1000 lít	547,70	1500	3855	893	5025	273,87%	167,9%	76,71%
6	Đồ uống không cồn, nước khoáng	1000 lít	1125	1050	4033	973	3502	93,37%	107,95%	115,16%
7	Gỗ cửa, gỗ xẻ	m <sup>3</sup>	6744	7327	27851	6750	30912	108,64%	108,55%	90,10%
8	Ván ép (gỗ MDF)	m <sup>3</sup>	6572	6500	25333	6269	24707	98,90%	103,68%	102,53%
9	Dầu nhựa thông	Tấn	66	58	298	140	471	87,44%	41,18%	63,35%
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	539	500	1799	632	1969	92,75%	79,14%	91,36%
11	Phân bón NPK	Tấn	2972	3000	12208	4986	14263	100,94%	60,17%	85,59%
12	Lốp xe các loại	1000 cái	128	130	515	113,80	404,30	101,75%	114,24%	127,38%
13	Săm xe các loại	1000 cái	317	300	1155	253,65	902,08	94,51%	118,27%	128,02%
14	Gạch xây	1000 viên	13426	13840	51326	13520	49780	103,08%	102,37%	103,11%
15	Xi măng Protland đen	Tấn	31081	30700	101438	25771	95759	98,77%	119,13%	105,93%
16	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	607	583	1777	379	1241	96,15%	153,76%	143,19%
17	Điện sản xuất	Triệu Kwh	14,36	11,54	74,58	28,51	92,55	80,34%	40,48%	80,59%
18	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	35,39	37,00	159,39	36,70	143,61	104,55%	100,82%	110,99%
19	Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	810,69	940,00	3445,54	936,30	3274,30	115,95%	100,40%	105,23%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
III	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	1542,06	1673,51	7115,52	1698,06	6874,63	108,52%	98,55%	103,50%
*	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	Tỷ đồng								
1	Kinh tế Nhà nước	"	100,65	111,140	406,48	133,05	515,36	110,43%	83,53%	78,87%
2	Kinh tế ngoài nhà nước	"	1441,42	1562,37	6709,03	1565,01	6359,27	108,39%	99,83%	105,50%
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>	Tỷ đồng								
1	Bán lẻ hàng hóa	"	1300,22	1414,11	6097,75	1443,56	5921,87	108,76%	97,96%	102,97%
2	Lưu trú và ăn uống	"	179,43	191,40	725,96	183,34	679,43	106,67%	104,40%	106,85%
3	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	1,58	2,05	6,38	4,67	9,66	129,71%	43,89%	66,02%
4	Dịch vụ	"	60,83	65,95	285,43	66,51	263,36	108,42%	99,16%	108,38%
III	Xuất khẩu (KH: 217 triệu USD)	Triệu USD	11,753	12,769	47,325	17,905	52,067	108,64%	71,32%	90,89%
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>									
1,1	Kinh tế Nhà nước		2,105	2,881	9,578	2,619	9,824	136,86%	110,0%	97,50%
1,2	Kinh tế Tư nhân		8,846	9,318	35,436	14,380	38,988	105,34%	64,8%	90,89%
1,3	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài		0,802	0,57	2,311	0,906	3,255	71,07%	62,9%	71,00%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>	"								
1	Hàng thủy sản		-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hàng rau quả	"	4,050	4,500	16,788	3,299	7,243	111,11%	136,4%	231,78%
3	Cà phê	"	0,486	0,514	2,532	0,6	1,644	105,76%	89,9%	154,01%
4	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"	1,346	2,000	6,630	2,212	7,366	148,59%	90,4%	90,01%
5	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	0,193	0,467	0,139	0,287	0,823	241,97%	162,7%	16,89%
6	Quặng và khoáng sản khác	"	-	-	-	-	1,334	-	-	-
7	Phân bón các loại	"	0,169	0,190	0,453	0,661	1,044	112,43%	28,7%	43,39%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
8	Sản phẩm từ chất dẻo	"	-	-	-	0,898	3,688	-	-	-
9	Cao su	"	0,067	0,060	0,947	-	0,11	89,55%	-	860,91%
10	Gỗ	"	3,106	3,291	12,325	8,783	23,927	105,96%	37,5%	51,51%
11	Sắt thép	"	-	-	0,114	0,107	0,850	-	-	13,41%
12	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	0,802	0,570	2,311	0,906	3,255	71,07%	62,9%	71,00%
13	Điện	"	0,350	0,350	1,500	0,18	0,783	100,00%	194,4%	191,57%
14	Hàng hóa khác	"	1,184	1,155	3,119	-	-	97,55%	-	-
<b>IV</b>	<b>Nhập khẩu (KH: 240 triệu USD)</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>7,866</b>	<b>8,641</b>	<b>33,895</b>	<b>15,224</b>	<b>43,46</b>	<b>109,85%</b>	<b>56,8%</b>	<b>77,99%</b>
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	"								
1	Kinh tế Nhà nước	"	0,42	0,25	1,17	0,48	1,212	59,52%	52,1%	96,29%
2	Kinh tế tư nhân	"	7,17	8,219	31,571	14,301	40,361	114,63%	57,5%	78,22%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0,276	0,172	1,157	0,443	1,887	62,32%	38,8%	61,31%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>	"								
1	Sữa và các sản phẩm từ sữa	"	-	-	-	0,598	1,248	-	-	-
2	Hàng rau	"	4,22	4,67	17,463	4,265	8,208	110,66%	109,5%	212,76%
3	Clanhke	"	0,011	0,012	0,037	0,02	0,063	109,09%	60,0%	58,73%
4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu	"	0,098	0,05	0,174	-	1,31	51,02%	-	13,28%
5	Cao su	"	-	-	-	0,443	0,721	-	-	-
6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	"	2,413	2,925	11,581	8,639	28,27	121,22%	33,9%	40,97%
7	Kim loại thường	"	-	-	-	0,032	0,62	-	-	-
8	Hàng hóa khác	"	0,887	0,84	4,259	1,155	2,334	94,70%	72,7%	182,48%



**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 4/2016**

*Đơn vị: %*

Tên ngành	Chính thức tháng 3/2016		Tháng 4/2016			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 4/2016 so với tháng 4/2015
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 2 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 3/2016	So với tháng 4/2015	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>184,21</b>	<b>110,10</b>	<b>195,89</b>	<b>104,52</b>	<b>106,93</b>	<b>105,83</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	54,98	126,21	53,57	98,03	112,32	108,97
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	219,78	113,75	234,42	106,56	113,28	107,82
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	40,93	74,06	38,76	91,43	59,61	89,54
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	120,00	105,31	138,36	115,30	100,98	105,40